

Số: 33/BC-UBND

Phú Mỹ, ngày 11 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO **KẾT QUẢ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2023**

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thống kê đất đai năm 2023 phải đánh giá chính xác thực trạng sử dụng đất đai của từng đơn vị hành chính các cấp xã đến hết ngày 31/12/2023.

- Đánh giá hiện trạng sử dụng đất và làm cơ sở để quản lý, sử dụng đất đạt hiệu quả, làm căn cứ kiểm tra việc thực hiện quy hoạch trong kỳ và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ tiếp theo; đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất.

- Tài liệu thống kê đất đai phục vụ nhu cầu quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

- Cung cấp số liệu để xây dựng niên giám thống kê các cấp và phục vụ nhu cầu thông tin đất đai cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục, đào tạo, các nhu cầu khác của Nhà nước và xã hội.

2. Yêu cầu

- Việc thống kê hiện trạng sử dụng đất năm 2023 cần phải được đổi mới phương pháp tổ chức thực hiện để tăng cường kiểm soát chặt chẽ trong suốt quá trình thực hiện, nâng cao chất lượng, khắc phục hạn chế, tồn tại của các kỳ thống kê đất đai trước đây.

- Quá trình thực hiện phải kiểm soát chặt chẽ, thống nhất ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nhằm nâng cao chất lượng, khắc phục hạn chế, tồn tại các kỳ Thống kê trước.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kế hoạch và thời gian triển khai thực hiện

- Căn cứ Công văn số 1510/UBND-KTN ngày 13/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thực hiện thống kê đất đai năm 2023 và chuẩn bị kiểm kê đất đai năm 2024.

- Căn cứ Công văn số 3757/STNMT-ĐĐ ngày 01/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc tổ chức thực hiện thống kê đất đai năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

- Căn cứ Công văn số 2727/UBND-VP ngày 22/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân về việc thực hiện thống kê đất đai năm 2023 và chuẩn bị kiểm kê đất đai năm 2024.

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 16/01/2024.

2. Phương pháp thực hiện thống kê đất đai

a. Nguồn số liệu, tài liệu sử dụng

- Tổng hợp các trường hợp biến động đất đai trong năm 2023 (từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023) của các đối tượng quản lý và sử dụng đất.

- Tài liệu bản đồ: Dữ liệu bản đồ địa chính đang được quản lý, sử dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang; Bản đồ kiểm kê năm 2019 có cập nhật biến động các năm 2021 và 2022; bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019.

- Cơ sở dữ liệu địa chính, tài liệu kiểm kê đất đai năm 2019 và thống kê đất đai 2022, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất.

b. Đánh giá sự tin cậy của số liệu, tài liệu

- Số liệu biến động đất đai: Công tác tổng hợp các trường hợp biến động đất đai được thực hiện căn cứ vào hồ sơ địa chính hoặc cơ sở dữ liệu địa chính và các hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, hồ sơ thanh tra, hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai, biên bản kiểm tra sử dụng đất trong năm có liên hệ với tình hình sử dụng đất thực tế tại thời điểm thống kê để tổng hợp số liệu, đồng thời tổng hợp bổ sung các trường hợp đã biến động nhưng chưa làm thủ tục hành chính về đất đai theo quy định.

- Bản đồ địa giới hành chính theo Chỉ thị số 364/CT-TTg, Quyết định số 513/QĐ-TTg là cơ sở pháp lý xác định ranh giới, địa giới hành chính quản lý, đồng thời là cơ sở xác định tổng diện tích tự nhiên của xã.

- Bản đồ địa chính được thành lập bằng phương pháp toàn đạc đo vẽ trực tiếp ngoài thực địa, kết hợp với công nghệ bản đồ số nên có độ chính xác cao. Cơ sở dữ liệu địa chính phục vụ tốt cho công tác khoanh vẽ diện tích các loại đất.

- Các tài liệu: Thống kê, Thống kê đất đai, tài liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo yêu cầu phục vụ phân tích, đánh giá quá trình sử dụng đất.

c. Phương pháp tính toán tổng hợp số liệu

- Việc thống kê đất đai được thực hiện trên cơ sở rà soát đối chiếu các trường hợp biến động đã thực hiện xong thủ tục hành chính về đất đai năm 2023 và đã được chỉnh lý biến động lên bản đồ địa chính dùng chung; sau đó triển vẽ, cập nhật, chỉnh lý lên bản đồ thống kê đất đai năm 2022, chỉnh sửa loại đất, đối tượng sử dụng đất theo đúng quy định.

- Đưa bản đồ Kiểm kê đất đai từng đơn vị hành chính cấp xã vào phần mềm TKDesktop chạy bảng số liệu, sau đó đưa dữ liệu lên phần mềm Tk_Online theo đúng quy định.

- So sánh kết quả thống kê đất đai với kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 và thống kê đất đai năm 2022. Lập biểu đánh giá tình hình sử dụng đất, tình hình tăng giảm diện tích các loại đất.

III. KẾT QUẢ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI 2023

1. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất

a. Khái quát chung (Biểu 01/TKĐĐ)

Tổng diện tích đất tự nhiên năm 2023 của Thị trấn: 785,80 ha, trong đó:

- Nhóm đất nông nghiệp: 431.94 ha; chiếm 54.97 % tổng diện tích đất tự nhiên.

- Nhóm đất phi nông nghiệp: 352.29 ha; chiếm 44.83 % tổng diện tích đất tự nhiên.

- Nhóm đất chưa sử dụng: 1,58 ha; chiếm 0,20 % tổng diện tích đất tự nhiên.

b. Hiện trạng sử dụng nhóm đất nông nghiệp (Biểu 02/TKĐĐ)

Chi tiết diện tích và cơ cấu được thể hiện qua bảng sau:

TT	Loại đất	Mã loại đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
I	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)		785,80	100,00
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	431,94	54,97
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	418,97	53,32
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	363,47	46,25
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	355,63	45,26
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	7,84	1,00
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	55,50	7,06
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP		
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	12,97	1,65
1.4	Đất làm muối	LMU		
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH		

c. Hiện trạng sử dụng nhóm đất phi nông nghiệp (Biểu số 03/TKĐĐ)

Chi tiết diện tích và cơ cấu được thể hiện qua bảng sau:

TT	Loại đất	Mã loại đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
I	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)		785,80	100,00

TT	Loại đất	Mã loại đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	352,29	44,83
2.1	Đất ở	OCT	110,77	14,10
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT		
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	110,77	14,10
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	92,00	11,71
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	8,15	1,04
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	1,06	0,14
2.2.3	Đất an ninh	CAN	0,78	0,10
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	18,15	2,31
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	4,77	0,61
2.2.6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	59,08	7,52
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	3,12	0,40
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,29	0,04
2.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	4,18	0,53
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	141,93	18,06
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC		
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		

d. Hiện trạng sử dụng nhóm đất chưa sử dụng (Biểu số 03/TKĐĐ)

Chi tiết diện tích và cơ cấu được thể hiện qua bảng sau:

TT	Loại đất	Mã loại đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
I	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)		785,80	100,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1,58	0,20
3,1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	1,58	0,20
3,2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS		
3,3	Núi đá không có rừng cây	NCS		

2. Hiện trạng theo đối tượng sử dụng và quản lý (Biểu 13/TKĐĐ)

*** Đối tượng sử dụng đất theo kết quả thống kê 2023**

- Hộ gia đình cá nhân sử dụng: 541,75 ha.
- Tổ chức kinh tế sử dụng: 4,58 ha.

- Cơ quan, đơn vị của Nhà nước sử dụng: 10,64 ha.
- Tổ chức sự nghiệp công lập sử dụng: 16,04 ha.
- Tổ chức khác sử dụng: 0,11 ha.
- Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo sử dụng: 3,77 ha.

*** Đối tượng quản lý đất theo kết quả thống kê 2023**

- UBND Thị trấn quản lý: 49,29 ha.
- Tổ chức phát triển quỹ đất quản lý: 0,45 ha.
- Cộng đồng dân cư và tổ chức khác quản lý: 159,16 ha.

3. Đánh giá tình hình biến động và phân tích nguyên nhân biến động về sử dụng đất giữa năm 2023 với năm 2022 và năm 2019 (Biểu 14/TKĐĐ)

3.1. Biến động diện tích tự nhiên

Tính đến ngày 31/12/2023 tổng diện tích đất tự nhiên của thị trấn là 785,80 ha không thay đổi so với kiểm kê năm 2019 và thống kê năm 2022.

3.2. Biến động về mục đích sử dụng

a. Biến động so với năm 2022

*** Biến động nhóm đất nông nghiệp**

Tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp giảm 0,30 ha, trong đó:

Biến động giảm

- Đất trồng lúa 0,12 ha. Do chuyển sang đất ở tại đô thị.
- Đất trồng cây lâu năm 0,18 ha. Do chuyển sang đất ở tại đô thị.

*** Biến động nhóm đất phi nông nghiệp**

Tổng diện tích nhóm đất phi nông nghiệp giảm 0,30 ha, trong đó:

Biến động tăng

- Đất ở tại đô thị 0,30 ha.

*** Biến động nhóm đất chưa sử dụng**

Đất bằng chưa sử dụng 1,58 ha, không thay đổi so với kỳ trước.

b. Biến động so với năm 2019

*** Biến động nhóm đất nông nghiệp**

Tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp giảm 1,05 ha, trong đó:

Biến động giảm

- Đất trồng lúa 0,42 ha.
- Đất trồng cây lâu năm 0,62 ha.
- Đất nuôi trồng thủy sản 0,01 ha.

*** Biến động nhóm đất phi nông nghiệp**

Tổng diện tích nhóm đất phi nông nghiệp tăng 0,02 ha, trong đó:

Biến động giảm

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,02 ha.
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,48 ha.
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT 0,05 ha.

Biến động tăng

- Đất ở tại đô thị 0,09 ha.
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,48 ha.

*** Biến động nhóm đất chưa sử dụng**

Đất bằng chưa sử dụng 1,58 ha. Tăng hơn năm 2021 1,04 ha do thực hiện kết luận thanh tra số 1112/KL-STNMT ngày 22/4/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường, khoanh vẽ lại khu vực đất bãi bồi ven sông thuộc trách nhiệm quản lý, sử dụng của ủy ban nhân xã. Cụ thể: Đất ở đô thị chuyển sang.

4. Tình hình sử dụng đất theo quyết định được giao đất, được thuê đất, được chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện (Biểu 05a/TKDD)

Trong năm trên địa bàn Thị trấn không có trường hợp được giao đất, được thuê đất, được chuyển mục đích sử dụng đất mà không thực hiện. Cho thấy việc trao quyền sử dụng đất của nhà nước cho đối tượng sử dụng đất là hợp lý và khả thi.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

1. Kết luận về độ chính xác của số liệu

Số liệu thống kê đất đai được xác lập theo nguyên tắc phù hợp với hồ sơ địa chính dựa trên cơ sở các tài liệu có độ chính xác cao cùng với sự hỗ trợ rất lớn về giải pháp công nghệ, sự giám sát và thường xuyên tổ chức kiểm tra Văn phòng Đăng ký Đất đai, Phòng Tài nguyên và Môi trường nên bộ sản phẩm thống kê đất đai 2023 của Thị trấn đạt yêu cầu kỹ thuật đề ra, đáp ứng tốt cho các mục đích quản lý đất đai tại địa phương.

2. Kiến nghị biện pháp quản lý, sử dụng đất đai trong thời gian tới

- Về quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất: Quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất phải theo quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện. Tăng cường kiểm tra xử lý những trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích, lấn chiếm đất đai. Xử lý nghiêm và triệt để việc tự ý lấy lớp đất mặt của đất trồng lúa không theo quy hoạch, làm phá vỡ kết cấu của đất ảnh hưởng hiệu quả canh tác của đất trồng lúa.

- Về quản lý đất công: Rà soát lập danh mục quản lý đất công, xây dựng kế hoạch đo đạc chi tiết lập hồ sơ địa chính quản lý, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý và khai thác đất công.

- Về quản lý hồ sơ địa chính: Hồ sơ địa chính của Thị trấn quản lý đầy đủ như bản đồ, sổ địa chính, sổ mục kê, sổ chỉnh lý biến động và thường xuyên cập nhật chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính để dữ liệu đầy đủ và hoàn chỉnh, hướng tới xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai toàn địa bàn; đồng thời cập nhật trao đổi các thông tin biến động giữa tỉnh - huyện – Thị trấn nhằm tạo cơ sở dữ liệu thống nhất phục vụ cho công tác quản lý đất đai có hiệu quả.

Trên đây là báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2023 trên địa bàn Thị trấn./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng TN&MT;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đinh Thành Nhân